

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/DS-PT
Ngày 08-02-2021
V/v tranh chấp thừa kế quyền sử
dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Nga

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Bà Trịnh Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Hồng Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 08 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 602/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 127/2020/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 572/2020/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Võ Việt D, sinh năm 1964;

2. Bà Võ Thị Ngọc D, sinh năm: 1954;

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Võ Việt T, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp X, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

1. Ông Phạm Thành T, sinh năm: 1981; địa chỉ: Tỉnh lộ Y, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm: 1987; địa chỉ thường trú: Thôn X, xã E, thành phố B, Đắk Lắk; địa chỉ tạm trú: Đường B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 01 năm 2021).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Võ M, Văn phòng Luật sư T, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Võ Thị Ngọc Y, sinh năm: 1952; địa chỉ: Ấp X, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị Ngọc Y: Ông Võ Việt D, sinh năm: 1964;

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 12 năm 2020).

2. Ông Nguyễn Ái V, sinh năm: 1960;

3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1965;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

4. Bà Đoàn Thị H, sinh năm: 1965; địa chỉ: Ấp X, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

5. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Ngọc A, Giám đốc.

- *Người kháng cáo:*

1. Bị đơn ông Võ Việt T.

2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Ngọc Y, ông Nguyễn Ái V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 01 năm 2019 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Võ Việt D trình bày:

Ông D là con ruột của ông Võ Văn B, sinh năm: 1921 (chết năm 2009) và bà Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm: 1926 (chết năm 1968). Ông B và bà Q có 6 người con gồm: Võ Việt T, Võ Việt D, Võ Thị Ngọc D, Võ Thị Ngọc Y, Võ Việt H (đã chết), Võ Thị Ngọc B (đã chết). Ông H có vợ đã chết và không có con. Bà B có chồng đã chết và có hai người con. Ông D không biết được địa chỉ cư trú cuối cùng của bà B và không biết địa chỉ của hai người con.

Ông Võ Văn B là chủ sử dụng các thửa đất gồm: Thửa đất số 885, diện tích 6.042m², thửa đất số 886, diện tích 3.982m², tất cả đều là loại đất lúa, tọa lạc tại xã T (nay là thị trấn C), huyện C. Ông B được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất này vào năm 1996. Đến ngày 27/8/1997, ông B có lập bản di chúc phân chia đất cho các con, cụ thể như sau: Ông D được chia 3.750m², thuộc một phần thửa đất số 885; ông T được chia 3.750m², thuộc một

phần thửa đất số 886; bà D được chia 1.250m², thuộc một phần thửa đất số 885; bà Y được chia 1.250m², thuộc một phần thửa đất số 886.

Năm 2006, Ủy ban nhân dân huyện C có ban hành quyết định thu hồi các thửa đất số 885 và 886 để giao cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn S làm chủ đầu tư xây dựng nhà xưởng, nhà ở cho công nhân và có bồi thường thiệt hại giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với tổng số tiền là 665.635.000 đồng. Số tiền này được chia cho 04 anh chị em, cụ thể như sau: Ông D, ông T mỗi người nhận 240.000.000 đồng; bà D và bà Y mỗi người nhận 65.000.000 đồng, tuy nhiên vào thời điểm này ông B còn sống nên ông D ông T mỗi người trích ra 90.000.000 đồng để phụng dưỡng cho ông B và ông T giữ số tiền này.

Theo phương án thu hồi, hỗ trợ tái định cư thì ông Võ Văn B được nhận chuyển nhượng 02 lô nền tái định cư, mỗi lô 100m², với giá mỗi lô nền là 80.000.000 đồng.

Ngày 13/11/2000, ông Võ Văn B có làm tờ ủy quyền cho ông Võ Việt T, đã được Ủy ban nhân dân xã Q chứng thực, với nội dung: *“Thay mặt chúng tôi ký tên và làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho ông (bà): Võ Việt T”*.

Ông Võ Việt T căn cứ vào tờ ủy quyền này đã liên hệ đến Ban bồi thường và giải phóng mặt bằng huyện (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện C) để nhận số tiền 665.635.000 đồng. Ông Võ Việt T đăng ký nhận chuyển nhượng 02 lô nền tái định cư gồm: Lô nền số 37 khu J, lô nền số 29 khu K, mỗi nền 100m². Ông D cho rằng hai lô nền tái định cư này thì ông D và ông T mỗi người hưởng 01 nền. Ông T đã nhận lô nền số 37 khu J, thì lô nền 29 khu K là của ông D. Vì vậy, ông D yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Võ Văn B là lô nền số 29 khu K tương ứng với thửa đất số 3243, tờ bản đồ số 03, diện tích 100m², loại đất ở nông thôn, đất tại khu phố L, thị trấn C, huyện C. Ông D yêu cầu được hưởng toàn bộ thửa đất số 3243.

Ông D không tranh chấp đối với lô nền số 37 khu J (tương ứng thửa đất số 2853), mà ông T đã chuyển nhượng cho bà Phạm Thị Cẩm H1 và bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 2853 vào ngày 08/8/2013.

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 01 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn là bà Võ Thị Ngọc D trình bày:

Bà D là con ruột của ông Võ Văn B và bà Nguyễn Thị Ngọc Q, là chị ruột của ông Võ Việt D, bà D thống nhất với trình bày của ông Võ Việt D về thời điểm mở thừa kế, về người thừa kế của ông Võ Văn B, về tài sản là quyền sử dụng đất của ông B, quá trình thu hồi hai thửa đất số 885 và 886, việc chi tiền bồi thường, nhận và phân chia số tiền cũng như việc nhận hai lô nền tái định cư. Bà D cũng có yêu cầu chia thừa kế phần di sản của ông Võ Văn B chết để lại là lô nền số 29 khu K (tương ứng thửa đất số 3243, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại khu phố L, thị trấn C), diện tích 100m² theo quy định của pháp luật.

Bà D không tranh chấp đối với lô nền số 37 khu J (tương ứng thửa đất số 2853), mà ông T đã chuyển nhượng cho bà Phạm Thị Cẩm H1 và bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 2853 vào ngày 08/8/2013.

Bị đơn là ông Võ Việt T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông D và bà D, ông T thừa nhận hai thửa đất số 885 và 886 là của ông B bị thu hồi giải tỏa bồi thường, nhưng lô nền số 29 khu K mà các nguyên đơn yêu cầu tranh chấp là do ông T đăng ký nhận chuyển nhượng thêm chứ không phải là di sản của ông B chết để lại.

Hiện tại, lô nền số 29 khu K ông T đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ái V vào ngày 14/10/2010 với giá 325.000.000 đồng và đã nhận tiền đủ. Ông T đã giao toàn bộ giấy tờ có liên quan của lô đất này cho ông V. Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của ông V yêu cầu ông T chuyển quyền sang tên cho ông V đứng tên lô đất số 29 khu K tương ứng với thửa đất số 3243 thì ông T yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu của ông V theo quy định của pháp luật.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 02 năm 2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị Ngọc Y trình bày:

Bà Y cũng là con ruột của ông Võ Văn B và bà Nguyễn Thị Ngọc Q. Trước đây ông B có cho bà Y phần diện tích 1.250m², thuộc một phần thửa đất số 886, nhưng chưa chuyển quyền. Đến năm 2006, phần đất này bị Nhà nước thu hồi và bà Y cũng đã nhận tiền bồi thường đầy đủ. Hiện tại, ông D, bà D đang tranh chấp với ông T thửa đất số 3243, tờ bản đồ số 03, diện tích 100m² (lô nền số 29 khu K) thì bà Y không có ý kiến hay tranh chấp, bởi vì thửa đất này thuộc quyền sử dụng của ông D và bà yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt bà. Trong biên bản phiên tòa ngày 14/10/2020 (BL146) bà Y từ chối nhận di sản của ông B chết để lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ái V và bà Nguyễn Thị M cùng thống nhất trình bày:

Ông Nguyễn Ái V và bà Nguyễn Thị M là vợ chồng. Ngày 14/10/2010, ông V và bà M nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông T và bà H lô nền số 29 khu K, nay là thửa đất số 3243, tờ bản đồ số 03, diện tích 100m², đất tại khu phố L, thị trấn C của ông T, với giá chuyển nhượng là 325.000.000 đồng. Ông V đã trả tiền đầy đủ cho ông T, nhưng cho đến nay thì vợ chồng ông T bà H chưa làm thủ tục chuyển quyền sang cho ông V và bà M.

Do đó, ông V có yêu cầu độc lập, yêu cầu ông T chuyển quyền sang tên cho ông V lô đất số 29 khu K tương ứng với thửa đất số 3243, tờ bản đồ số 03, diện tích 100m², loại đất ở nông thôn, đất tọa lạc tại khu phố L, thị trấn C, huyện C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đoàn Thị H trình bày: Bà H là vợ của ông Võ Việt T, bà H thống nhất với lời trình bày của ông T, không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện C trình bày:

Năm 2016, Ủy ban nhân dân huyện C có thu hồi hai thửa đất số 885 và 886 của ông Võ Văn B và có bồi thường thiệt hại giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với tổng số tiền là 665.635.000 đồng. Theo phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư thì ông B được nhận chuyển nhượng lại 200m² trong Khu tái định cư T. Ngày 11/5/2006, ông B (ủy quyền cho ông T) đến Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện) nhận

tiền bồi thường 665.635.000 đồng. Ông T đăng ký nhận chuyển nhượng 02 nền tái định cư, cụ thể: Lô số 37 khu J và lô số 29 khu K, mỗi lô diện tích 100m². Đồng thời, ông T có đóng tiền nhận chuyển nhượng 02 lô nền tái định cư là 160.000.000 đồng.

Ông T đã chuyển nhượng lô nền số 37 khu J (tương ứng thửa 2853) cho bà Phạm Thị Cẩm H1 (bằng giấy cam kết được văn phòng công chứng xác nhận ngày 26/12/2011) và bà H1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 2853 vào ngày 08/8/2013. Hiện còn 01 lô nền số 29 khu K (tương ứng thửa 3243, tờ bản đồ số 03) chưa lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với lý do ông B chết nhưng gia đình chưa làm thủ tục thừa kế.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm 127/2020/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C đã căn cứ các Điều 26; 35; 39; 227; 244; 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 153; 586; 660 và 670 của Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 128; 137; 163 và 181 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 623; 649; 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166; 170 Luật đất đai năm 2013; điểm d khoản 1 Điều 12; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Việt D.
2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Ngọc D.
3. Ông Võ Việt D được sử dụng thửa đất số 3243, tờ bản đồ số 03, diện tích 100m², loại đất ở nông thôn, đất tại khu phố L, thị trấn C, huyện C.
- Ông Võ Việt D được liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đứng tên thửa đất số 3243, tờ bản đồ số 03, diện tích 100m², loại đất ở nông thôn, đất tại khu phố L, thị trấn C, huyện C.
4. Ông Võ Việt D có trách nhiệm chia lại cho bà Võ Thị Ngọc D số tiền 380.000.000 đồng.
5. Ông Võ Việt D có trách nhiệm trả lại ông Võ Việt T số tiền 80.000.000 đồng.
6. Ông Võ Việt D có trách nhiệm chia lại ông Võ Việt T số tiền 380.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

7. Tạm giao cho ông Võ Việt D quản lý kỹ phần của bà Võ Thị Ngọc B. Sau này, các đồng thừa kế của bà B có quyền khởi kiện ông D để chia thừa kế, nếu thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

8. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Ái V đòi ông Võ Việt T chuyển quyền sang cho ông V đứng tên lô nền số 29 khu K tương ứng với thửa đất số 3243, tờ bản đồ số 03, diện tích 100m², loại đất ở nông thôn, đất tại khu phố L, thị trấn C, huyện C.

Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Ái V với ông Võ Việt T và bà Đoàn Thị H đối với lô nền số 29 khu K tương ứng với thửa đất số 3243, tờ bản đồ số 03, diện tích 100m², loại đất ở nông thôn, đất tại khu phố L, thị trấn C, huyện C.

Buộc ông Nguyễn Ái V và bà Nguyễn Thị M trả lại cho ông Võ Việt D lô nền số 29 khu K tương ứng với thửa đất số 3243, tờ bản đồ số 03, diện tích 100m², loại đất ở nông thôn, đất tại khu phố L, thị trấn C, huyện C.

9. Buộc ông Võ Việt T và bà Đoàn Thị H có trách nhiệm liên đới trả ông Nguyễn Ái V và bà Nguyễn Thị M số tiền 962.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

10. Về chi phí đo đạc, định giá, thẩm định với số tiền là 6.500.000 đồng, ông T, bà D, ông V, mỗi người chịu 1.300.000 đồng số tiền trên, ông D phải chịu 2.600.000 đồng. Do ông D đã nộp tạm ứng trước toàn bộ, buộc ông T, bà D, ông V mỗi người trả lại ông D số tiền 1.300.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

11. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Võ Thị Ngọc D được miễn án phí chia thừa kế, ông Nguyễn Ái V được miễn án phí vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng.

Buộc ông Võ Việt T và bà Đoàn Thị H phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí đối với số tiền phải trả cho ông V và bà M với số tiền án phí là 40.875.000 đồng.

Buộc ông Võ Việt T phải chịu án phí chia thừa kế với số tiền là 19.000.000 đồng.

Buộc ông Võ Việt D phải chịu án phí chia thừa kế với số tiền là 19.000.000 đồng.

Tạm ứng án phí ông D có nộp số tiền 12.000.000 đồng theo các Biên lai thu tiền số 0009693 ngày 17/01/2019; 0009727 ngày 01/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, được chuyển sang án phí, ông D còn phải nộp 7.000.000 đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19 tháng 10 năm 2020 bị đơn ông Võ Việt T kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, yêu cầu xác định lô

nền số 29 là tài sản của ông T, đề nghị xem xét lại mức giá bồi thường cho ông Nguyễn Ái V theo quy định của pháp luật.

Ngày 26 tháng 10 năm 2020 bà Võ Thị Ngọc Y làm đơn kháng cáo yêu cầu chia di sản thừa kế là lô nền số 29 theo quy định của pháp luật. Cùng ngày 26 tháng 10 năm 2020 ông Nguyễn Ái V làm đơn kháng cáo đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của ông V.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau, các nguyên đơn ông Võ Việt D bà Võ Thị Ngọc D không rút đơn khởi kiện, ông D đồng thời đại diện cho bà Võ Thị Ngọc Y trình bày cho rằng, trong giai đoạn xét xử sơ thẩm bà Y trình bày không nhận di sản thừa kế mà để phân di sản mà mình được nhận giao lại cho ông D chứ không từ chối nhận di sản như nhận định của bản án sơ thẩm, thực chất ông B và bà Q có tất cả là 8 người con chứ không phải là 6 người con, do bà Võ Thị Ngọc P và bà Võ Thị Ngọc T không có khai sinh nên không khai là con của ông B, bà D cho rằng những người này cũng có yêu cầu được chia tài sản, trong khi đó ông D thì cho rằng bà P và bà T không có yêu cầu gì đối với di sản của ông B. Bị đơn ông Võ Việt T do ông Phạm Thành T và bà Nguyễn Thị Thủy D đại diện không rút đơn kháng cáo, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, đồng ý với lời trình bày của các nguyên đơn rằng ông B bà Q có tất cả 8 người con chứ không phải là 6 người. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ái V không rút đơn kháng cáo, ông V bà M yêu cầu được tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, trường hợp vô hiệu hợp đồng thì ông T phải trả lại 1,8 tỷ đồng là giá thị trường lô đất để ông bà nhận chuyển nhượng đất khác.

Luật sư Võ M phát biểu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, công nhận lô nền số 29 khu K (tương ứng với thửa đất số 3243) diện tích 100m² thuộc quyền sử dụng của ông Võ Việt T vì các căn cứ sau đây:

Thứ nhất, Tòa án cấp sơ thẩm bỏ sót các đồng thừa kế là các con của bà B gồm Nguyễn Võ Phước D, sinh năm 1980 và Nguyễn Võ Phước D1 sinh năm 1985, ngoài ra ông B và bà Q có tất cả là 8 người con chứ không phải là 6 người con, ngoài những người được Tòa án huyện C triệu tập còn có bà Võ Thị Ngọc P và bà Võ Thị Ngọc T; riêng ông Võ Việt H có 03 người con hiện còn sống gồm T1, T2 và P1.

Thứ hai, việc Tòa án huyện C xác định lô nền 29 khu K (thửa 3243 tờ bản đồ số 03) là di sản và chia cho các đồng thừa kế nhưng không tính đến công sức quản lý di sản cho ông T là không đúng quy định của pháp luật.

Thứ ba, lô nền số 29 là do ông T đã làm đơn cứu xét để được mua thêm, tự ông T bỏ tiền ra mua lô nền 29, các đồng thừa kế khác đã từ bỏ việc nhận mua lô nền 29 này. Khi ông T bán lô nền 29 cho ông V thì các đồng thừa kế cũng không có tranh chấp. Cho đến khi vợ chồng ông V lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không được do ông B chết chưa khai nhận di sản thì các đồng thừa kế này mới khởi kiện đòi chia di sản thừa kế. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là di

sản thừa kế là không xem xét toàn diện các chứng cứ và xâm phạm đến quyền lợi của ông T.

Thứ tư, ông T đóng tiền nhận lô nền 29 tại thời điểm năm 2010 với giá là 80.000.000đồng, khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông D trả cho ông T 80.000.000đồng bằng số tiền mà cách đây 11 năm ông T đã bỏ ra nhận chuyển nhượng lô nền 29 là không hợp lý, xâm phạm quyền lợi của ông T.

Thứ năm, trong quan hệ hợp đồng chuyển nhượng, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T trả cho ông V bà M số tiền 962.500.000đồng, trong khi chỉ tuyên ông T nhận phân di sản 380.000.000đồng + 80.000.000đồng là bất hợp lý.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cho rằng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Kháng cáo của các đương sự bị đơn ông Võ Việt T, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Ngọc Y, ông Nguyễn Ái V trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, xác định lô nền số 29 là di sản thừa kế là chưa đủ cơ sở, chưa xác minh làm rõ những vấn đề về thu hồi quyền sử dụng đất về đăng ký nền tái định cư, về việc tranh chấp quyền sử dụng đất thửa 887 của ông D. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ ý chí của bà Võ Thị Ngọc Y. Ngoài ra các đương sự khai ngoài những người con của ông B được đưa vào tham gia tố tụng thì ông B còn có 2 người con khác là Võ Thị Ngọc P và Võ Thị Ngọc T. Đề nghị Hội đồng xét xử thu thập thêm chứng cứ về các vấn đề này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Võ Việt T, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Ngọc Y, ông Nguyễn Ái V được làm đúng theo quy định tại Điều 272 và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện C, bà Đoàn Thị H vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Các nguyên đơn ông Võ Việt D bà Võ Thị Ngọc D khởi kiện tranh chấp thừa kế với ông Võ Việt T. Các đương sự trình bày thống nhất, quyền sử dụng hai thửa đất số 885 và 886 tờ bản đồ số 3 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29 tháng 10 năm 1996 của ông Võ Văn B đã bị Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi theo Quyết định số 4789/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2006, đồng thời Ủy ban nhân dân huyện C đã quyết định bồi thường thiệt hại với số tiền 651.560.000đồng cùng với tiền hỗ trợ là 14.075.000đồng, ông T đã đại diện cho ông B nhận số tiền này, chia lại cho các anh chị em gồm ông D, ông T, bà D và bà Y, các đương sự

không tranh chấp nhau về số tiền này. Chỉ tranh chấp nhau về nền tái định cư cụ thể là lô 29 khu K diện tích 100m². Ông T cho rằng lô nền này ông T tự đăng ký bỏ tiền ra nhận chuyển nhượng là của riêng ông T không phải là di sản thừa kế của ông B.

[4] Theo xác nhận ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện C thì hai lô nền 29 khu K và 37 khu J có được là do căn cứ theo phương án bồi thường đối với đất của ông B bị thu hồi 10.024m² đất lúa. Nội dung này cũng được Ban quản lý dự án xác nhận lại trong văn bản số 614/BQLDAĐTXD-PTQD ngày 06 tháng 11 năm 2019 và việc ông T được nhận tiền và đăng ký hai lô nền là do ông B ủy quyền cho ông T bằng giấy ủy quyền ngày 11/5/2006. Tuy nhiên hồ sơ chưa thu thập giấy ủy quyền này để xác định phạm vi, nội dung ông B đã ủy quyền cho ông T, trong hồ sơ chỉ có giấy ủy quyền ngày 13 tháng 11 năm 2000 với nội dung không cụ thể, rõ ràng không liên quan đến số tiền bồi thường và việc nhận các nền tái định cư nên chưa có cơ sở xác định các nền tái định cư có phải là di sản thừa kế hay không. Trong khi theo đơn đăng ký tái định cư thì ông T đại diện cho ông B nhận hai nền tái định cư và đã chuyển nhượng một lô nền số 37 khu J cho bà Phạm Thị Cẩm H1 và bà H1 đã được đăng ký đứng tên quyền sử dụng đất, trong khi đó lô nền số 29 chưa được cấp quyền sử dụng đất với lý do ông B chết chưa lập thủ tục thừa kế. Như vậy có sự khác nhau giữa hai lô nền cũng cần phải thu thập chứng cứ làm rõ.

[5] Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, các đương sự đều thừa nhận, ông B và bà Q còn có hai con chung khác tên là Võ Thị Ngọc P, sinh năm 1944 và Võ Thị Ngọc T, sinh năm 1961 chưa được tham gia tố tụng, trong sổ hộ khẩu gia đình ông Võ Văn B có thể hiện bà Võ Thị Ngọc T là con, không thể hiện địa chỉ bà Võ Thị Ngọc P, do các đương sự không trình bày, không thể hiện lời khai trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm không thể biết được. Ngoài ra hai con của bà Võ Thị Ngọc B là Nguyễn Võ Phước D, sinh năm 1980 và Nguyễn Võ Phước D1 sinh năm 1985 có địa chỉ tại Ấp X, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cũng không được các đương sự cung cấp địa chỉ cho Tòa án nên Tòa án cấp sơ thẩm không thể làm rõ ý chí của các đương sự này. Ngoài ra phía bị đơn còn trình bày ông Võ Việt H có 03 người con hiện còn sống gồm T1, T2 và P1 cũng cần được làm rõ.

[6] Đối với kháng cáo của bà Võ Thị Ngọc Y: Trong biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 02 năm 2020 bà Y trình bày không có tranh chấp thừa kế, tại phiên tòa sơ thẩm bà Y trình bày từ chối nhận di sản nhưng trong hồ sơ không thể hiện văn bản từ chối nhận di sản của bà Y theo quy định tại Điều 620 Bộ luật Dân sự, chính vì vậy sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bà Y đã kháng cáo yêu cầu chia thừa kế, vì vậy cũng cần phải làm rõ ý chí của bà Y để xem xét.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[8] Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Võ Việt T.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Ngọc Y.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm 127/2020/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

Về án phí phúc thẩm: Bên kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Võ Việt T 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002862 ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Nga